

Số: 08 /TB-CNVT

Vũ Thư, ngày 02 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB

Dự án : phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú thị trấn.

Địa điểm: xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư thông báo về việc niêm yết công khai dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB trước thẩm định dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú thị trấn, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên với các nội dung sau:

A. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN:

1. Căn cứ pháp lý của thửa đất số 293, tờ bản đồ số 1 và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 11:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 ban hành Quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 33/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình;

- Căn cứ vào Quyết định số 24/QĐ- UBND của UBND tỉnh Thái Bình ban hành ngày 18/8/2021 phê duyệt chấp nhận chủ trương đầu tư Dự án phát triển nhà ở TM khu dân cư An Phú Thị Trấn Vũ thư, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Bản vẽ trích lục địa chính và bảng thống kê chủ sử dụng, diện tích, loại đất được sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 05/02/2024;

- Căn cứ Quyết định số 4413 ngày 03/06/2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ thông báo thu hồi đất số 489,654 ngày 27/02/2024 do UBND huyện Vũ Thư ban hành để thực hiện dự án án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An phú Thị trấn và thông báo thu hồi đất số 59,60 ngày 04/03/2026 do UBND xã Vũ Thư ban hành để thực hiện dự án án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An phú Thị trấn đối với hộ gia đình ông Nguyễn Hồng Thịnh.

2. Căn cứ pháp lý của thửa đất số 343, tờ bản đồ số 11:

- Căn cứ Luật đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính Phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính Phủ về việc quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; Nghị quyết số: 812/2025/NQ-HĐND ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào các quyết định số 149/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 ban hành Quy định Đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định Đơn giá bồi thường về nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

- Căn cứ vào Quyết định số 24/QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Bình ban hành ngày 18/8/2021 phê duyệt chấp nhận chủ trương đầu tư Dự án phát triển nhà ở TM khu dân cư An Phú Thị Trấn Vũ Thư, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Bản vẽ trích lục địa chính và bảng thống kê chủ sử dụng, diện tích, loại đất được sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 05/02/2024;

- Căn cứ quyết định số 08 ngày 28/02/2026 về hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

- Căn cứ thông báo thu hồi đất số 61 ngày 04/03/2026 do UBND xã Vũ Thư ban hành để thực hiện dự án án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An phú Thị trấn đối với hộ gia đình ông Nguyễn Hồng Thịnh.

B. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN:

1. Bồi thường, hỗ trợ về đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân:

1. Bồi thường về đất tại thửa đất số 293, tờ bản đồ số 1 và thửa đất số 422, tờ bản đồ số 11:

1.1. Diện tích được bồi thường: Là diện tích đất nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế theo quy định của pháp luật; diện tích phương án giao ruộng đã dồn điền, đổi thửa.

1.2. Giá bồi thường đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: 50.000 đ/m²
- Đất trồng cây hàng năm khác: 50.000 đ/m²
- Đất nuôi trồng thủy sản: 50.000 đ/m²
- Đất nông nghiệp khác: 54.000 đ/m²
- Đất trồng cây lâu năm: 54.000 đ/m²

1.3. Các khoản hỗ trợ:

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 15



Quyết định 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thái Bình). Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn xã Phúc Khánh cũ nay là phường Thái Bình được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền bằng 3,5 lần giá đất đất nông nghiệp quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.

2. Bồi thường về đất tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 11:

2.1. Diện tích được bồi thường: Là diện tích đất nông nghiệp được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; diện tích nhận chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế theo quy định của pháp luật; diện tích phương án giao ruộng đã dồn điền, đổi thửa.

2.2. Giá bồi thường đất nông nghiệp:

- Đất trồng lúa: 75.000 đ/m²
- Đất trồng cây hàng năm khác: 75.000 đ/m²
- Đất nuôi trồng thủy sản: 75.000 đ/m²
- Đất nông nghiệp khác: 85.000 đ/m²
- Đất trồng cây lâu năm: 85.000 đ/m²

2.3. Các khoản hỗ trợ:

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ và Điều 15 Quyết định 01/2026/QĐ - UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên). Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp trên địa bàn xã Thư Vũ được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng tiền bằng 3,0 lần giá đất đất nông nghiệp quy định trong bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành.

***Ghi chú:**

- Về khối lượng: Căn cứ theo kiểm đếm thực tế để lập phương án bồi thường, hỗ trợ

II. Về tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án:

- Lý do: Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư đã công khai dự toán phương án BT, HT về đất và tài sản trên đất lần 1 vào tháng 12 năm 2025; do sau khi xác minh lại mục đích sử dụng đất tại thửa đất số 343, tờ bản đồ số 11 và cơ chế chính sách thay đổi nên công khai lại dự toán phương án BT, HT về đất và tài sản trên đất lần 2.

- Thời gian: Từ ngày 02 / 04 /2026 đến ngày 12 / 04 /2026.

- Tại Trụ sở UBND xã Vũ Thư và tại hội trường thôn Quyết Thắng;

IV. Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư:

- Tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tại Trụ sở UBND xã; và gửi tới từng hộ gia đình, cá nhân liên quan dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định trước ngày 12 / 04 /2026.

- Chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với các tổ dân phố tiếp thu ý kiến giải thích, làm rõ các kiến nghị về chủ sử dụng, diện tích, nhân khẩu,... của các hộ



gia đình, cá nhân ngay từ cơ sở. Tiếp tục rà soát các hồ sơ liên quan đến chủ sử dụng đất;

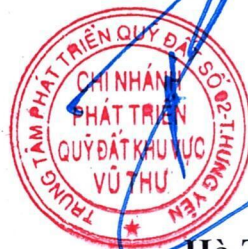
- Chỉ đạo đ/c trưởng thôn thu thập, tổng hợp bằng văn bản các ý kiến, kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân liên quan đến chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ và các kiến nghị khác (nếu có) theo đúng thời gian quy định và chuyển lại cho Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư tổng hợp làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ;

- Phối hợp với chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư giải thích, làm rõ các kiến nghị liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2. Các hộ gia đình, cá nhân: Kiểm tra, đối chiếu họ và tên, khối lượng, đơn giá bồi thường, hỗ trợ; tiếp tục cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan và có ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, gửi về đồng chí trưởng thôn trước ngày 12 / 04 /2026 để chuyển cho chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những hạng mục còn thiếu, thừa (nếu có); sau ngày 12 / 04 /2026, nếu các hộ gia đình, cá nhân không nộp hoặc nộp lại mà không có ý kiến khác thì coi như đồng ý với phương án;

Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư thông báo về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của dự án. Mong nhận được sự quan tâm phối hợp thực hiện của UBND xã Vũ Thư; trưởng thôn Quyết Thắng và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

GIÁM ĐỐC



Hà Tuấn Anh

02-THƯ



QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI DỰ TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án : Phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú Thị trấn Vũ thư

Địa điểm: thôn Quyết thắng, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

STT	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích thửa đất trích lục (m2)	Họ và tên chủ hộ sử dụng đất	Diện tích thu hồi (m2)	Số tiền bồi thường hỗ trợ (đồng) đề nghị được làm tròn số					Ghi chú
							Đất nông nghiệp 50.000đ/m2 (1)	Đất nông nghiệp 75.000đ/m2 (2)	Chuyển đổi nghề tạo việc làm 175.000đ/m2 (= 50,000*3,5) (3)	Chuyển đổi nghề tạo việc làm 225.000đ/m2 (=75,000*3,0) (4)	Tổng cộng(đồng)	
1	1	293	LUC	52,0	Nguyễn Hồng Thịnh	52,0	2.600.000		9.100.000		11.700.000	
2	11	343	LUC	50,7	Nguyễn Hồng Thịnh	50,7		3.802.500		11.407.500	15.210.000	
3	11	422	LUC	175,0	Nguyễn Hồng Thịnh	175,0	8.750.000		30.625.000		39.375.000	
Tổng thửa				277,7		277,7	11.350.000	3.802.500	39.725.000	11.407.500	66.285.000	

- (1) - Căn cứ QĐ số 4413 ngày 03/06/2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
- (2) - Căn cứ Nghị quyết số: 812/2025/NQ-HĐND ngày 23/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên và QĐ số 08 ngày 28/02/2026 về hệ số điều chỉnh giá đất nông nghiệp làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất
- (3) - Căn cứ QĐ số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình
- (4) - Căn cứ QĐ số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/ 01 /2026 ban hành quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

* Ý kiến hộ gia đình:

TRUNG TÂM PTQĐ SỐ 2
CHI NHÁNH PTQĐKV VŨ THƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Phát triển nhà ở khu dân cư An Phú

Địa điểm: Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Hộ gia đình: Nguyễn Hồng Thịnh

[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11]
	A	BỒI THƯỜNG TÀI SẢN								394.995.524
1	VKT153.002 7	Nhà một tầng có chiều cao tường $\geq 3m$: Nhà xây gạch chỉ tường 220 hiên tây, kết cấu vì kèo thép, lợp mái tôn, không có công trình phụ		m2 sàn	4,6*4,37	20,102	3.331.996			66.979.784
	VKT153.034 0	Cửa song sắt		m2	2*1,2	2,4	1.307.970			3.139.128
	CBG	Cửa nhôm			0,9*1,5	1,35	1.850.000			2.497.500
	VKT153.034 1	Cửa song INOX		m2	0,9*1,5	1,35	2.314.153			3.124.107
	VKT153.027 5	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 250x400mm		m2	(4,6*3,4+4,37*3,4) *2	60,996	423.906			25.856.570
	VKT153.027 9	Ốp đá granít tự nhiên vào tường, sử dụng keo dán		m2	(1,6+3)*0,62	2,852	1.707.081			4.868.595
	GTT	Chậu inox			1	1	1.800.000			1.800.000
		tủ bếp nhựa		di chuyển	1	1				
	VKT153.039 4	Tháo dỡ điều hòa cục bộ		cái	1	1	217.075			217.075
	VKT153.039 9	Lắp đặt máy điều hòa không khí 1 cục bao gồm cả giá đỡ máy		máy	1	1	569.762			569.762
	DC	Máy hút mùi		Di chuyển	1	1				
	QĐ 01	Điện nước 6%			109.052.521	6%				6.543.151
2		Lán tôn xây gạch chỉ 110								
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	5,15*4,5	23,175	364.548			8.448.400
	VKT153.018 2	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11 cm, cao $\leq$ 6m, vữa XM M50		m3	4,2*5,15*0,11	2,3793	2.218.558			5.278.615
	VKT153.020 5	Xây cột, trụ gạch chỉ, h $\leq 6m$, vữa XM M50		m3	5,15*0,22*0,22*3	0,74778	2.543.957			1.902.320

	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50		m3	4,2*1*0,22	0,924	1.869.307			1.727.240
	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công		m3	4,2*1*0,22*1,25	1,155	266.100			307.346
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công		m3	4,2*1*0,22*1,25*1/3	0,385	185.275			71.331
	VKT153.021 6	Bê tông nền BT mác 200		m3	5,15*4,5*0,1	2,3175	2.309.664			5.352.646
	VKT153.040 1	Lắp đặt bể chứa nước(nhựa)		bể	1	1	820.542			820.542
	VKT153.040 1	Lắp đặt bể chứa nước(I inox)		bể	1	1	820.542			820.542
	VKT153.013 6	Bể nước – giếng khoan – bể phốt: Bể xây gạch chỉ khối tích $\leq 4m^3$:		m3	1	1	1.841.712			1.841.712
3		Nhà lán tôn; h=3,9, bốn xung quanh là tường tôn								
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	6,5*4	26	364.548			9.478.248
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	(6,5+4)*2*3,9	81,9	364.548			29.856.481
	CBG	Cửa nhôm kính			2,2*2,2	4,84	1.850.000			8.954.000
	VKT153.021 6	Bê tông nền BT mác 200		m3	6,5*4*0,1	2,6	2.309.664			6.005.126
4		Lán tôn xây gạch chỉ 110								
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	8,9*4,5	40,05	364.548			14.600.147
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	2,3*2,3+2*6,5+1,1*2	20,49	364.548			7.469.589
		Cửa nhôm kính : cửa đi			0,8*1,8	1,44	1.850.000			2.664.000
	VKT153.018 2	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11 cm, cao $\leq 6m$, vữa XM M50		m3	1,8*4,7*0,11	0,9306	2.218.558			2.064.590
	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50		m3	4,7*1*0,22	1,034	1.869.307			1.932.863
	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công		m3	4,7*1*0,22*1,25	1,2925	266.100			343.934
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công		m3	4,7*1*0,22*1,25*1/3	0,43083333	185.275			79.823
	VKT153.021 6	Bê tông nền BT mác 200		m3	8,9*4,5*0,05	2,0025	2.309.664			4.625.102



5		Chuồng lợn xây gạch chỉ 100, mái fibro xi măng							
	VKT153.010 7	Nhà phụ, chiều cao tường ≤ 3m (nhà kho, nhà chăn nuôi, nhà vệ sinh,...): Nhà xây gạch chỉ tường 110 hỗ trợ, kết cấu tre, lợp mái Fibro xi măng	m2 sàn	10*4,9	49	1.789.325			87.676.925
	VKT153.018 2	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11 cm, cao ≤ 6m, vữa XM M50	m3	9,6*1,7*0,11	1,7952	2.218.558			3.982.755
	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m3	9,6*0,22*1	2,112	1.869.307			3.947.976
6		Lán fibro xi măng cột thép bưng tôn							
	VKT153.037 0	Lợp mái, che tường bằng fibrô xi măng	m2	11,4*4,5	51,3	87.739			4.501.011
	VKT153.034 8	Áp: Cửa sắt, hoa sắt bằng sắt vuông rỗng 16x16mm:Cột thép: 6 cột phi 60; h=3,4m: dày 1,4mm; 2,02kg/m	kg	6*3,4*2,02	41,208	49.386			2.035.098
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	m2	11,4*4,5+4,5*1,8	59,4	364.548			21.654.151
	VKT153.021 6	Bê tông nền BT mác 200	m3	11,4*4,5*0,1	5,13	2.309.664			11.848.576
	VKT153.018 6	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 6m, vữa XM M50	m3	4,5*0,22*1*2+4,4*0,22*1*2	3,916	2.016.276			7.895.737
	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50:	m3	4,5*0,22*0,33*2+4,4*0,22*0,33*2	1,29228	1.869.307			2.415.668
	VKT153.016 7	Đào móng bằng, bằng thủ công	m3	(4,5*0,22*0,33*2+4,4*0,22*0,33*3)*1,25	2,01465	266.100			536.098
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	(4,5*0,22*0,33*2+4,4*0,22*0,33*3)*1,25*1,3	2,619045	185.275			485.244
	VKT153.013 6	Bể nước – giếng khoan – bể phốt: Bể xây gạch chỉ khối tích ≤ 4m3	m3	0,6*0,8*1,7	0,816	1.841.712			1.502.837
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	m2	4,9*1,5	7,35	364.548			2.679.428
	TT	Ống nước: phi 110: Giá thị trường		26	26	90.000			2.340.000
	TT	Vòi nước Inox: giá thị trường		3	3	150.000			450.000
	VKT153.029 1	Lát nền, sàn gạch ceramic 300x300mm	m2	3,1*1,4	4,34	328.543			1.425.877



VKT153.027 4	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm	m2	3,1*0,8	2,48	478.888			1.187.642
VKT153.020 3	Xây gạch xi vữa XM M50	m3	0,8*14*0,11	1,232	1.612.337			1.986.399
VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50: áp	m3	14*0,6*0,22	1,848	1.869.307			3.454.479
VKT153.016 7	Đào móng bằng, bằng thủ công	m3	14*0,6*0,22*1,25	2,31	266.100			614.691
VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	14*0,6*0,22*1,25* 1/3	0,77	185.275			142.662
CBG	Cửa nhôm kính sổ	m2	1,1*0,8	0,88	1.850.000			1.628.000
TT	Ổng nước phi 21	m	26*2	52	7.000			364.000
DC	Máy bơm nước 150W: Di chuyển	chiếc	1	1				
B	Công trình xây dựng từ năm 2002(gia đình tự khai); Xây dựng trên nông nghiệp: Áp theo khoản 4 điều 26 quyết định 01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ngày 16/1/2026: Được hỗ trợ 50%							197.498.000
C	TỔNG TIỀN BÒI THƯỜNG, HỖ TRỢ							197.498.000

Ghi chú: Đề nghị gia đình kiểm tra khối lượng, nếu có thắc mắc xin liên hệ số điện thoại: 0945,336,116; Đ/c: Tươi; Thời gian công khai 10 kể từ khi có thông báo công khai, hết thời gian trên chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án

NGƯỜI LẬP



Phạm Xuân Tươi

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Phương Nam





PHÂN KÝ NHẬN CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HT, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Phát triển nhà ở khu dân cư An Phú

Địa điểm: Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Hộ gia đình: Nguyễn Hồng Thịnh

NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2026

Trưởng thôn

[Signature]

Nguyễn Xuân Nhật

*Đã gửi đến hộ gia đình vào ngày 2/4/2026
giấy tờ không ký và để nhà công khai
người nhận Nguyễn Thị Hồng con gái Ông Thịnh*

Số: 09 /TB-CNV

Vũ Thư, ngày 02 tháng 04 năm 2026

THÔNG BÁO

V/v niêm yết công khai dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB

Dự án : phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú thị trấn.

Địa điểm: xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư thông báo về việc niêm yết công khai dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB trước thẩm định dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú thị trấn, xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên với các nội dung sau:

A. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN:

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Luật số 43/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Các Nghị định của Chính phủ: số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 quy định về giá đất; số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về điều tra cơ bản đất đai, đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai; số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 103/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

- Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 Ban hành Quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai và Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Bình; số 34/2024/QĐ-UBND ngày 30/9/2024 Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định Đơn giá bồi thường về nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

- Căn cứ vào Quyết định số 24/QĐ- UBND của UBND tỉnh Thái Bình ban hành ngày 18/8/2021 phê duyệt chấp nhận chủ trương đầu tư Dự án phát triển nhà ở TM khu dân cư An Phú Thị Trấn Vũ thư, Huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình

- Bản vẽ trích lục địa chính và bảng thống kê chủ sử dụng, diện tích, loại đất được sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 05/02/2024;

- Căn cứ thông báo thu hồi đất ngày 27/02/2024 do UBND huyện Vũ Thư ban hành để thực hiện dự án phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú Thị trấn.

- Căn cứ Quyết định số 4413 ngày 03/06/2025 về việc phê duyệt giá đất cụ thể làm căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất.

B. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN:

I. Bồi thường, hỗ trợ về đất cho các hộ gia đình, cá nhân:

1. Bồi thường về tài sản trên đất:

Quyết định số 153/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 Quy định Đơn giá bồi thường về nhà, nhà ở và công trình xây dựng khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Các khoản hỗ trợ:

Hỗ trợ ổn định đời sống (theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ - CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, NĐ 226/2025/ NĐ – CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ; và Điều 11 Quyết định 34/2024/QĐ - UBND ngày 30/9/2024 của UBND tỉnh Thái Bình).

- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp nếu đủ điều kiện được bồi thường về đất thì được hỗ trợ ổn định đời sống như sau:

+ Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng;

+ Thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng;

- Mức hỗ trợ cho 01 nhân khẩu = 30kg gạo x số tháng x giá/1kg gạo tại thời điểm lập phương án (giá gạo tính theo Thông báo của Sở Tài chính hàng tháng)..

*Ghi chú:

-Về khối lượng: Căn cứ theo kiểm đếm thực tế để lập phương án bồi thường, hỗ trợ

II. Về tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án:

- Lý do: Đến ngày 30/03/2026 hộ gia đình ông Bùi Văn Tiến (Dự) mới đồng thuận cho Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư thực hiện công tác kiểm đếm công trình, tài sản trên đất nên đến nay Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư mới công khai dự toán phương án BT,HT về tài sản trên đất.

- Thời gian: Từ ngày 02 / 04 /2026 đến ngày 12 / 04 /2026.

- Tại Trụ sở UBND xã Vũ Thư và tại hội trường thôn Quyết Thắng;

IV. Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư đề nghị:

1. Ủy ban nhân dân xã Vũ Thư:

- Tổ chức niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ tại Trụ sở UBND xã; và gửi tới từng hộ gia đình, cá nhân liên quan dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định trước ngày 12 / 04 /2026.

- Chỉ đạo cán bộ chuyên môn phối hợp với trưởng thôn tiếp thu ý kiến giải thích, làm rõ các kiến nghị về chủ sử dụng, diện tích, nhân khẩu,... của các hộ gia đình, cá nhân ngay từ cơ sở. Tiếp tục rà soát các hồ sơ liên quan đến chủ sử dụng đất;

- Chỉ đạo đ/c trưởng thôn thu thập, tổng hợp bằng văn bản các ý kiến, kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân liên quan đến chế độ chính sách bồi thường, hỗ trợ và các kiến nghị khác (nếu có) theo đúng thời gian quy định và chuyển lại cho



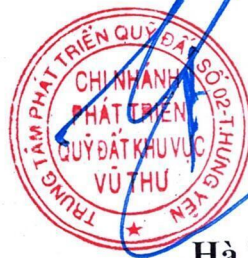
Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư tổng hợp làm căn cứ lập phương án bồi thường, hỗ trợ;

- Phối hợp với chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư giải thích, làm rõ các kiến nghị liên quan đến chính sách bồi thường, hỗ trợ theo quy định hiện hành.

2. Các hộ gia đình, cá nhân: Kiểm tra, đối chiếu họ và tên, khối lượng, đơn giá bồi thường, hỗ trợ; tiếp tục cung cấp các hồ sơ, tài liệu liên quan và có ý kiến về dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, gửi về đồng chí trưởng thôn trước ngày 12 / 04 /2026 để chuyển cho chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư kiểm tra, điều chỉnh, bổ sung những hạng mục còn thiếu, thừa (nếu có); sau ngày 12 / 04 /2026, nếu các hộ gia đình, cá nhân không nộp hoặc nộp lại mà không có ý kiến khác thì coi như đồng ý với phương án;

Chi nhánh Phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư thông báo về việc niêm yết công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của dự án. Mong nhận được sự quan tâm phối hợp thực hiện của UBND xã Vũ Thư; trưởng thôn Quyết Thắng và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan.

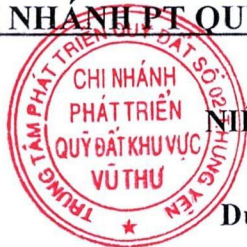
GIÁM ĐỐC



Hà Tuấn Anh



TRUNG TÂM PT QUỸ ĐẤT SỐ 2 HƯNG YÊN
CHI NHÁNH PT QUỸ ĐẤT KHU VỰC VŨ THƯ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do- Hạnh Phúc

Vũ thư, ngày 02 tháng 04 năm 2026

NIÊM YẾT CÔNG KHAI DỰ TOÁN PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG

Hạng mục kinh phí bồi thường hỗ trợ tài sản, ổn định đời sống SX

Dự án: Phát triển nhà ở thương mại khu dân cư An Phú thị Trấn Vũ thư- Huyện Vũ Thư

(Trước khi trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định)

STT hộ	Số tờ	Số thửa	Loại đất	Diện tích thửa đất m2	Họ và tên chủ hộ sử dụng đất	Diện tích thửa đất thu hồi m2	Số tiền bồi thường hỗ trợ (đồng) đã được làm tròn số					Ghi chú
							Bồi thường hỗ trợ đất NN 50.000đ/m2	Bồi thường chuyển đổi nghề tạo việc làm 175.000đ/m2	Hỗ trợ ổn định đời sống SX	Bồi thường hỗ trợ về TSXD (đồng) (50% tổng giá trị lập) chi tiết kèm	Tổng cộng (đồng)	
1			LUC	220,6	Bùi Văn Tiến, Nguyễn Thị Dự	220,6	11.030.000	38.605.000	6.120.000	445.150.000	500.905.000	đất NN đã lập
	1	557	LUC	43,0		43,0	2.150.000	7.525.000			9.675.000	đất NN đã lập
				220,6	Cộng	220,6	11.030.000	38.605.000			510.580.000	

Người lập

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Cao Thị Thu Hằng

Phạm Phương Nam

TRUNG TÂM PTQĐ SỐ 2
CHI NHÁNH PTQĐKV VŨ THƯ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Phát triển nhà ở khu dân cư An Phú

Địa điểm: Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Hộ gia đình: Bùi Văn Tiến

STT	MÃ CV	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	LOẠI ĐẤT	ĐƠN VỊ	Diễn giải khối lượng	KHỐI LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	HỆ SỐ	TỶ LỆ %	THÀNH TIỀN
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	51,30	[8]	[9]	[10]	[11]
	A	BỒI THƯỜNG TÀI SẢN								890.300.057
1	VKT153.004 2	Áp Nhà 2 tầng, mái bằng: Nhà xây gạch chi, kết cấu khung chịu lực, tường 110, móng băng bê tông cốt thép, công trình phụ khép kín: Nhà 1 tầng có khung cột, có cột tầng 2 làm mái tôn, gia cố nền móng, có công trình phụ.		m2 sàn	10,84*4,1	44,444	4.955.105			220.224.687
	CBG	Cửa nhôm kính: Cửa chính		m2	0,8*2,2+2*1,1	3,96	1.850.000			7.326.000
	CBG	Cửa nhôm kính: Cửa sổ		m2	1*1,45*2	2,9	1.855.000			5.379.500
	VKT153.034 0	Cửa song sắt		m2	1*1,45*2	2,9	1.307.970			3.793.113
	TT	Áp: ốp cột gạch ceramic 120x300: Tranh ốp đá: 120x300			2,8*2,9	8,12	322.987			2.622.654
	CBG	Cửa nhôm kính: Cửa sổ			0,7*1,8	1,26	1.855.000			2.337.300
	VKT153.027 3	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 300x600		m2	1,8*(1,5+3,3)*2-0,7-1,8	14,78	563.183			8.323.845
	VKT153.039 7	Tháo dỡ xi bết		cái	1	1	54.269			54.269
	GTT	Gương		cái	1	1	900.000			900.000
	GTT	Vòi sen		cái	1	1	2.000.000			2.000.000
	GTT	Chậu		cái	1	1	1.000.000			1.000.000



	VKT153.032 5	Bả matít vào tường		m2	(4,1*10,84+(4,1+10,84)*2*3,6)- (0,8*2,2+2*1,1+1,45*2)	145,152	43.670		6.338.788
	VKT153.027 6	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 600x600m		m2	2,26*3,4*2	15,368	460.385		7.075.197
	VKT153.032 7	Sơn dầm, trần cột, tường trong nhà đã bả 1 nước lót + 2 nước phủ		m2	(4,1*10,84+(4,1+10,84)*2*3,6)- (0,8*2,2+2*1,1+1,45*2)	145,152	58.021		8.421.864
	VKT153.032 9	Sơn tường ngoài nhà không bả 1 nước lót + 2 nước phủ		m2	(4,1*10,84+(4,1+10,84)*2*3,6)- (0,8*2,2+2*1,1+1,45*2)	145,152	126.825		18.408.902
	VKT153.039 4	Tháo dỡ điều hòa cục bộ		cái	1	1	217.075		217.075
	VKT153.039 9	Lắp đặt máy điều hòa không khí 1 cục bao gồm cả giá đỡ máy		máy	1	1	569.762		569.762
	GTT	Khung sắt trang trí: Sắt hộp 1,5*1,5m+ dàn nhựa có: Giá thi trường		m2	3*2	6	300.000		1.800.000
		Diện nước 6%					0,06		17.807.577
							296.792.956		
2	VKT153.001 0	Nhà một tầng có chiều cao tường ≥ 3m: Nhà xây gạch chỉ tường 110 bở trụ, kết cấu vì kèo thép, lợp mái tôn, không có công trình phụ khép kín		m2 sàn	4,1*7	28,7	2.984.615		85.658.451
	CBG	Cửa nhôm kính: cửa chính		m2	1,55*2,1	3,255	1.850.000		6.021.750
	CBG	Cửa nhôm kính: cửa sổ		m2	1*1,4*2	2,8	1.855.000		5.194.000
	VKT153.034 1	Cửa song INOX		m2	1*1,4*2	2,8	2.314.153		6.479.628
	VKT153.027 3	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 300x600: ốp toàn nhà		m2	((7+4,1)*2*3,6)- (1,55+2,1+1,14*2)	73,99	563.183		41.669.910
	VKT153.039 4	Tháo dỡ điều hòa cục bộ		cái	2	2	217.075		434.150
	VKT153.039 9	Lắp đặt máy điều hòa không khí 1 cục bao gồm cả giá đỡ máy		máy	2	2	569.762		1.139.524
	VKT153.027 7	Áp Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 800x800m: ốp đá màu đen granit		m2	1,6*1+(0,6+1)*0,24	1,984	496.390		984.838



	DC	Tủ đồ bằng tôn+ giá inox: di chuyển		Chiếc	2,6*1,9	4,94			5
	DC	Tủ inox (chạn bát): Di chuyển		Chiếc	0,8*0,4	0,32			0
	VKT153.013 7	Bể nước – giếng khoan – bể phốt: Bể xây gạch chỉ khối tích ≤ 10m3 có nắp đan bê tông		m3	3,8*1,5*1,4	7,98	1.654.056		13.199.367
	QĐ 01	Điện nước 6%			160.781.623		0,06		9.646.897
3	VKT153.015 1	Mái chống nóng (chưa bao gồm xây tường): Mái lợp tôn cột + kèo thép		m2	10,84*4,1	44,444	941.899		41.861.759
	VKT153.011 0	Nhà phụ, chiều cao tường ≤ 3m (nhà kho, nhà chăn nuôi, nhà vệ sinh,...): Nhà xây gạch chỉ tường 110 bờ trụ, mái bằng		m2 sàn	1,8*3,7	6,66	2.724.996		18.148.473
	VKT153.034 0	Cửa song sắt		m2	1,95*0,65	1,2675	1.307.970		1.657.852
	VKT153.027 3	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 300x600		m2	((3,7+1,8)*2*1,8)- 1,8*0,65	18,63	563.183		10.492.099
	GTT	Vòi sen		chiếc	1	1	2.000.000		2.000.000
	GTT	Chậu xứ		chiếc	1	1	1.000.000		1.000.000
	VKT153.039 7	Tháo dỡ xi bết		cái	1	1	54.269		54.269
	VKT153.037 3	Lợp mái, che tường bằng tôn xộp chiều dài bất kỳ: Vách che tường		m2	2,9*(10,84+1)	34,336	515.771		17.709.513
	VKT153.034 0	Cửa song sắt		m2	1,5*2,4	3,6	1.307.970		4.708.692
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	2,5*1,2+3,7*1+7,1	13,8	364.548		5.030.762
	VKT153.040 1	Lắp đặt bể chứa nước: téc chứa nước Inox		bể	1	1	820.542		820.542
	VKT153.039 5	Tháo dỡ bình đun nước nóng		cái	1	1	72.358		72.358
4	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	14,3*6	85,8	364.548		31.278.218
	VKT153.029 3	Lát nền, sàn gạch ceramic 500x500mm		m2	11,3*6	67,8	359.110		24.347.658
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ		m2	14,4*2,3	33,12	364.548		12.073.830
	VKT153.018 6	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 33cm, cao ≤ 6m, vữa XM M50		m3	2,5*10,3*0,22	5,665	2.016.276		11.422.204

SỔ TÍNH LƯỢNG

	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công	m3	2,5*10,3*0,33*1,25	10,621875	266.100		2.826.481
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	2,5*10,3*0,33*1,25*1/3	3,540625	185.275		655.989
	VKT153.024 6	Trát tường ngoài vữa XM mác 50	m2	2,5*10,3*2	51,5	122.264		6.296.596
	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m3	1*10,3*0,33	3,399	1.869.307		6.353.774
	VKT153.027 3	Ốp tường, trụ, cột gạch ceramic 300x600	m2	3*1,55	4,65	563.183		2.618.801
5		Khu lán fibro xi măng cột bê tông cốt thép+ cột sắt + dàn luồng+ xây tường	m2	12,5*6	75	87.000		6.525.000
	VKT153.020 3	Xây gạch xi vữa XM M50: Phía cuối cạnh ruộng	m3	7,3*1,8*0,15	1,971	1.612.337		3.177.916
	VKT153.017 8	Áp Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m3	7,3*1*0,33	2,409	1.869.307		4.503.161
	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công	m3	7,3*1*0,33*1,25	3,01125	266.100		801.294
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	7,3*1*0,33*1,25*1/3	1,00375	185.275		185.970
	VKT153.018 2	Xây tường gạch chỉ, chiều dày ≤ 11 cm, cao ≤ 6m, vữa XM M50	m3	(10+7,3+4,3+2,7+2)*1, 2*0,11	3,4716	2.218.558		7.701.946
	VKT153.017 8	Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m3	(10+7,3+4,3+2,7+2)*0, 8*0,22	4,6288	1.869.307		8.652.648
	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công	m3	(10+7,3+4,3+2,7+2)*0, 8*0,22*1,25	5,786	266.100		1.539.655
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	(10+7,3+4,3+2,7+2)*0, 8*0,22*1,25*1/3	1,9286667	185.275		357.334
	VKT153.024 6	Trát tường ngoài vữa XM mác 50	m2	(10+7,3+4,3+2,7+2)*1, 2*2	63,12	122.264		7.717.304
	VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	m2	7,4*4,3	31,82	364.548		11.599.917
	VKT153.020 3	Xây gạch xi vữa XM M50	m3	8,5*1,8*0,15	2,295	1.612.337		3.700.313
	VKT153.017 8	Áp: Xây móng gạch chỉ vữa XM M50	m3	8,5*0,8*0,33	2,244	1.869.307		4.194.725
	VKT153.016 7	Đào móng băng, bằng thủ công	m3	8,5*0,8*0,33*1,25	2,805	266.100		746.411

VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công	m3	8,5*0,8*0,33*1,25*1/3	0,935	185.275		173.232
VKT153.034 8	Áp: Cửa sắt, hoa sắt bằng sắt vuông rỗng 16x16mm: Sắt hàng rào đang thừa KT: 50x25mm, dày 1mm; 1,14kg/m	kg	(7,4*3+2,5*6)*1,14	42,408	49.386		2.094.361
VKT153.037 6	Lắp dựng các loại cửa khung sắt, khung nhôm: cửa nhôm kính treo trên hàng rào	m2	2*1,5	3	133.744		401.232
VKT153.040 1	Lắp đặt bể chứa nước: Téc inox 3 khối	bể	1	1	820.542		820.542
VKT153.037 1	Lợp mái, che tường bằng tôn múi chiều dài bất kỳ	m2	3,2*1,5	4,8	364.548		1.749.830
VKT153.013 6	Bể nước – giếng khoan – bể phốt: Bể xây gạch chỉ khối tích $\leq 4m^3$	m3	1,5*0,6*0,9	0,81	1.841.712		1.491.787



	VKT153.034 8	Áp: Cửa sắt, hoa sắt bằng sắt vuông rỗng 16x16mm: Cột thép: 5 cột phi 60; h=3,4m: dày 1,4mm; 2,02kg/m		kg	5*3,4*2,02	34,34	49.386			1.695.915
	VKT153.034 8	Áp: Cửa sắt, hoa sắt bằng sắt vuông rỗng 16x16mm: Sắt kèo, dàn mái KT: 3*8,3 dài: 50x25mm, dày 1mm; 1,14kg/m		kg	3*8,3*1,14	28,386	49.386			1.401.871
	VKT153.021 2	Bê tông cột mác 200:		m3	5*2*0,15*0,15*3,4	0,765	3.226.656			2.468.392
	VKT153.022 5	Sân xuất, lắp dựng cốt thép cột, trụ đường kính ≤18mm: Sắt phi 12, 2 thanh		kg	2*5*5*3,4*0,89	151,3	25.652			3.881.148
	GTT	vì kèo, dàn mái bằng luồng mái 1: thanh dọc		m	9*8,3	74,7	20.000			1.494.000
	GTT	vì kèo, dàn mái bằng luồng mái 1: thanh ngang		m	2*4*6	48	20.000			960.000
	GTT	vì kèo, dàn mái bằng luồng mái 2: thanh dọc		m	7*6	42	20.000			840.000
	GTT	vì kèo, dàn mái bằng luồng mái 2: thanh ngang		m	3*4,3	12,9	20.000			258.000
*	VKT153.010 7	Nhà phụ, chiều cao tường ≤ 3m (nhà kho, nhà chăn nuôi, nhà vệ sinh,...): Nhà xây gạch chỉ tường 110 bề trụ, kết cấu tre, lợp mái Fibro xi măng		m2 sàn	2,7*2,5	6,75	1.789.325			12.077.944
	VKT153.027 4	Ôp tường, trụ, cột gạch ceramic 200x250mm		m2	1,7*(2,7+2,5+2,7+1)	15,13	478.888			7.245.575
	VKT153.033 5	Hàng rào song Inox		m2	2,6*1,9	4,94	2.216.609			10.950.048
	VKT153.035 1	Áp Cửa sắt, hoa Inox bằng Inox vuông rỗng 16x16mm: Inox hộp kinh thước 60x30mm; dày 0,8mm; 1,12kg/m		kg	6*5*1,12	33,6	113.972			3.829.459
	VKT153.034 0	Cửa song sắt		m2	2,2*3	6,6	1.307.970			8.632.602
	VKT153.014 7	Sân bê tông M200		m2	14,5*6	87	315.499			27.448.413
	VKT153.014 4	Sân bê tông gạch vỡ láng vữa XM cát		m2	4,3*8	34,4	198.135			6.815.844
	VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công		m3	11,3*6*1,5	101,7	185.275			18.842.468



VKT153.016 9	Đắp đất nền móng công trình, bằng thủ công		m3	14,5*10*1	145	185.275			26.864.875
B	Công trình xây dựng từ năm 2001(gia đình tự khai); Xây dựng trên nông nghiệp: Áp theo khoản 4 điều 26 quyết định 01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên ngày 16/1/2026: Được hỗ trợ 50%			Tổng tiền bồi thường A x 50%					445.150.000
C	TỔNG TIỀN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ								445.150.000

Ghi chú: Đề nghị gia đình kiểm tra khối lượng, nếu có thắc mắc xin liên hệ số điện thoại: 0945,336,116; Đ/c: Tươi; Thời gian công khai 10 kể từ khi có thông báo công khai, hết thời gian trên chi nhánh phát triển quỹ đất khu vực Vũ Thư trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án

NGƯỜI LẬP



Phạm Xuân Tươi

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Phương Nam



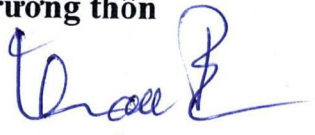
PHẢN KÝ NHẬN CÔNG KHAI PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HT, TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Phát triển nhà ở khu dân cư An Phú

Địa điểm: Xã Vũ Thư, tỉnh Hưng Yên

Đại diện Hộ gia đình: Bùi Văn Tiến

NGÀY 2 THÁNG 4 NĂM 2026
Trưởng thôn


Nguyễn Xuân Nhân.

Ngày 2/4 / 2026 công khai dự án
Đã được gửi đọc cho gia đình ông Tiến
gia đình đã nhận và chữ ký.
Người nhận Nguyễn Thị Dư.